**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ CAI LẬY**
TỈNH TIỀN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 10 - 2019
V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sơn**.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông: **Đặng Hữu Tiếp**.
2/ Ông: **Võ Thanh Hải**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh Cảnh** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Trà My -** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự.

*1. Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1985. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Chổ ở hiện nay: Ấp S, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
*2. Bị đơn*: Anh **Nguyễn Châu P**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:* Do quen biết trước chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Châu P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hội, theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2010, quyển số 01/2010 ngày 15/7/2010. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, anh P không quan tâm lo cho vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05 năm 2015 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh P, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: 01 con tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 08/9/2010, hiện cháu M đang sống chung với chị M từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Châu P dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Châu P.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 08/9/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị M chưa có yêu cầu; anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Theo chị M khai để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh P thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về tài nợ chung: Theo chị M khai không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh P thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Châu P. Xét thấy, bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh P.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Chu P. Xét thấy, do quen biết trước chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Châu P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hội, theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2010, quyển số 01/2010 ngày 15/7/2010 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, anh P không quan tâm lo cho vợ

con, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh P, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh P thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh P nhiều lần đến để hòa giải về việc chị M xin ly hôn với anh P. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh P muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh P phải đến Tòa án để gặp chị M, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh P không đến, thể hiện anh P không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị M. Ngoài ra, anh P và chị M đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay đã trên 4 năm nhưng không đoàn tụ lại được. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M và cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Châu P.

[4] Về con chung: 01 con tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 08/9/2010, hiện con đang sống chung với chị M từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu M do chị M nuôi dưỡng từ khi anh P và chị M ly thân với nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt và được chính quyền địa phương xác nhận. Hơn nữa, qua tham khảo lời khai của cháu M cũng có nguyện vọng xin được sống chung với chị M, nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở giao cháu Nguyễn Hoàng M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị M chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị M có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị M được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Theo chị M khai để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh P thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này anh P và chị M không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về tài nợ chung: Theo chị M khai không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh P thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M. Cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Châu P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 08/9/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị M chưa có yêu cầu; anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002410 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị M đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Châu P thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Thanh Sơn**

***Nơi Nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.